

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3154/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 16 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Thực hiện Thông báo số 418/TB-HĐND ngày 28/9/2023 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Cao Bằng về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 HĐND tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng, như sau

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024; Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch vốn NSNN năm 2024; Công văn số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024.

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Cao Bằng, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023, đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đảm bảo căn cứ để UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, phân đầu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ

1. Mục đích:

Xác định mục tiêu, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024 phù hợp với tình hình thực tiễn, phù hợp với các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của HĐND tỉnh.

- Xác định được danh mục, nhu cầu và khả năng bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho các dự án, nhiệm vụ.

2. Quan điểm, mục tiêu:

Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng được thực hiện đảm bảo các yêu cầu sau:

- Lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng được thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023; mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021-2025 của từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương trong tỉnh; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Cao Bằng đã xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải. Trong đó:

(1) Bám sát quan điểm chỉ đạo, định hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu tại Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII, các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội và các Nghị quyết, thông báo khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

(2) Bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhất là đột phá về cơ sở hạ tầng; tập trung đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm có tính kết nối, tác động lan tỏa tới phát triển liên vùng, vùng và địa phương, dự án công nghệ thông tin,... góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo ra động lực mới, không gian mới cho phát triển kinh tế trong thời gian tới.

(3) Tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, phân tán, lãng phí, kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả đầu tư công, nhất là ngân sách địa phương; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn; khen thưởng kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Phân bổ, giải ngân toàn bộ nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, công khai minh bạch.

(4). Phân đấu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

3. Định hướng kế hoạch đầu tư công năm 2024

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu

chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật liên quan; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, phù hợp với khả năng tài chính; tuân thủ thứ tự bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Bảo đảm nguyên tắc chung bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN; đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch vốn NSNN năm 2024; số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 về việc thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2024.

- Đầu tư trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, sớm hoàn thành đưa các công trình đi vào sử dụng, phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, tạo động lực quan trọng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

- Tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bám sát và phục vụ cho việc thực hiện tốt các mục tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, quy hoạch vùng, ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, lĩnh vực, trong đó ưu tiên vốn đầu tư cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít người, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, bão lũ; tăng cường hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm an sinh xã hội, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống sạt lở, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh..., góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch vừa thúc đẩy phát triển kinh tế.

III. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 của tỉnh Cao Bằng bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư vốn phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội; Nghị quyết số

973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2023, khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Căn cứ Thông báo số 418/TB-HĐND ngày 28/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về thời gian, nội dung, chương trình và phân công chuẩn bị cho Kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết thực hiện đúng theo quy định.

- Trên cơ sở dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của các đơn vị, thông báo Kế hoạch vốn năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Cao Bằng, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, lên phương án dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng.

- Dự thảo Nghị quyết được Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện lấy ý kiến từ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, lãnh đạo UBND tỉnh, các thành viên UBND tỉnh. Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý của các đơn vị, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục gồm các phần sau:

- Căn cứ ban hành Nghị quyết.
- Các nguồn vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024.
- Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024.
- Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Tổng số vốn Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng là 4.258.968,067 triệu đồng, bao gồm:

2.1. Vốn ngân sách nhà nước (theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày /2023 của Thủ tướng Chính phủ): 3.574.508 triệu đồng¹, bao gồm:

a. Vốn Ngân sách địa phương: 1.011.481 triệu đồng, bao gồm:

¹ Theo các Công văn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023 về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024; số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023 về việc thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2024.

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 797.981 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 200.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 13.500 triệu đồng

b. Vốn Ngân sách trung ương: 2.563.027 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước: 2.525.999 triệu đồng, bao gồm:
 - + Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.254.320 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư cho dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư: 694.117 triệu đồng.
 - + Vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.271.679 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài: 37.028 triệu đồng.

2.2. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 4.100 triệu đồng

2.3. Dự kiến vốn đầu tư bổ sung từ Ngân sách địa phương (ngoài Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2023 của Thủ tướng Chính phủ): 680.360,067 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất): 255.597,118 triệu đồng.
- Vốn đầu tư nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: 385.662,949 triệu đồng.
- Nguồn thu hợp pháp khác: 39.100 triệu đồng.

(có dự thảo Nghị quyết kèm theo công văn)

VI. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Dự kiến các kết quả chủ yếu đạt được của phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024

Với dự kiến các nguồn vốn đầu tư công năm 2024 và khả năng huy động tối đa các nguồn lực khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, dự kiến kết quả đạt được trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, như sau:

- Đầu tư công tiếp tục dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước trong năm 2024, tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Các địa phương tiếp tục được phân cấp mạnh trong thực hiện đầu tư công, qua đó tạo sự chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

- Một số dự án được đẩy nhanh thời gian hoàn thành, rút ngắn thời gian bố trí vốn ngắn hơn theo quy định của Luật Đầu tư công (dự án nhóm C hoàn thành và được bố trí vốn trong 02 năm).

- Một số dự án trọng điểm của tỉnh dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm sẽ phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo theo hướng bền vững; góp phần bảo đảm an sinh xã hội, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh,... và thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

2. Các giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2023

Trên tinh thần phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục triệt để những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, UBND tỉnh đề ra một số giải pháp trong điều hành và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, như sau:

- Tăng cường tổ chức thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; tiếp tục rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết, ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững; thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế nhằm hoàn thiện hệ thống kế cấu hạ tầng, phục vụ việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chủ động xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý; phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân từng dự án theo kế hoạch đề ra, gắn với trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức, cá nhân với kết quả giải ngân của từng dự án, nhất là người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm.

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành liên quan trong công tác xây dựng và giải ngân kế hoạch đầu tư công.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh xin kính trình HĐND tỉnh Cao Bằng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- CVP, các PCVP; CV: TH;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG KHÓA XVII
KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi một số điều của Quy định về các
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-
HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 –
2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;

Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai
đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số
25/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng
về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn
ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2); Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày

30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 3); Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 4); Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 5); Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 6); Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 7);

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra của.....; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 với tổng số vốn là 4.258.968,067 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước (theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2023 của Thủ tướng Chính phủ): 3.574.508 triệu đồng, bao gồm:

a. Vốn Ngân sách địa phương: 1.011.481 triệu đồng, bao gồm:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 797.981 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 200.000 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 13.500 triệu đồng

b. Vốn Ngân sách trung ương: 2.563.027 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước: 2.525.999 triệu đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.254.320 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư cho dự án “Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư: 694.117 triệu đồng.

+ Vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.271.679 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: 37.028 triệu đồng.

2. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 4.100 triệu đồng

3. Vốn đầu tư bổ sung từ Ngân sách địa phương (ngoài Quyết định số /QĐ-TTg ngày / /2023 của Thủ tướng Chính phủ): 680.360,067 triệu đồng

- Vốn đầu tư nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm tăng thu từ nguồn thu sử dụng đất): 255.597,118 triệu đồng.

- Vốn đầu tư nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: 385.662,949 triệu đồng.

- Nguồn thu hợp pháp khác: 39.100 triệu đồng.

(Chi tiết tại các biểu kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024

Đối với các dự án đã có trong danh mục tại Nghị quyết này: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh vốn giữa các dự án và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Đối với việc bổ sung vốn cho các dự án chưa có trong danh mục tại Nghị quyết này: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án điều chỉnh, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 17 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HUBND, UBND các huyện Thành phố;
- Trung tâm thông tin – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG (A + B)	4.503.701,000	23.566.424,000	4.258.968,067	
A	VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày /10/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	4.000.301,000	18.808.441,000	3.574.508,000	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.113.551,000	5.426.700,000	1.011.481,000	Biểu số 02
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	800.051,000	4.351.700,000	797.981,000	Mục A - Biểu số 02
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	300.000,000	1.000.000,000	200.000,000	Mục B - Biểu số 02
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.500,000	75.000,000	13.500,000	Mục C - Biểu số 02
II	Ngân sách Trung ương	2.886.750,000	13.176.829,000	2.563.027,000	
1	Vốn trong nước	2.839.579,000	11.779.634,000	2.525.999,000	
1.1	Đầu tư theo các ngành, lĩnh vực	1.567.900,000	6.877.417,000	1.254.320,000	Biểu số 03
	Trong đó: Dự án đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	500.000,000	2.500.000,000	674.117,000	
1.2	Vốn đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.271.679,000	4.706.217,000	1.271.679,000	Biểu số 05
2	Vốn nước ngoài	47.171,000	1.397.195,000	37.028,000	Biểu số 04
B	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ	10.800,000	204.912,000	4.100,000	Biểu số 04
C	VỐN ĐẦU TƯ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ngoài Quyết định số /QĐ-TTg ngày /10/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	492.600,000	4.553.071,000	680.360,067	Biểu số 06

Biểu số 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng													
STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG SỐ				28.556.154,290	2.822.733,672	4.428.677,927	1.528.709,398	15.858.721,608	3.507.378,929	3.207.926,621	1.011.481,000	
A	Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước				15.011.907,145	2.254.539,015	2.563.469,263	1.063.233,130	8.541.126,141	2.791.690,272	1.762.781,971	797.981,000	
A.1	Huyện bố trí												
1	UBND huyện Bảo Lạc						403.311,470	403.311,470	652.755,000	652.755,000	111.600,000	111.600,000	
2	UBND huyện Bảo Lâm						36.132,000	36.132,000	66.582,000	66.582,000	13.500,000	13.500,000	
3	UBND huyện Hà Lang						33.216,000	33.216,000	46.833,000	46.833,000	6.000,000	6.000,000	
4	UBND huyện Hà Quảng						29.632,000	29.632,000	55.334,000	55.334,000	13.200,000	13.200,000	
5	UBND huyện Hòa An						68.276,000	68.276,000	90.504,000	90.504,000	10.500,000	10.500,000	
6	UBND huyện Nguyên Bình						31.188,000	31.188,000	58.312,000	58.312,000	12.000,000	12.000,000	
7	UBND huyện Quảng Hòa						36.238,000	36.238,000	65.496,000	65.496,000	12.500,000	12.500,000	
8	UBND huyện Thạch An						46.617,470	46.617,470	76.031,000	76.031,000	12.500,000	12.500,000	
9	UBND huyện Trùng Khánh						35.498,000	35.498,000	55.237,000	55.237,000	8.500,000	8.500,000	
10	UBND Thành phố Cao Bằng						53.624,000	53.624,000	95.333,000	95.333,000	17.900,000	17.900,000	
A.2	Tỉnh bố trí						32.890,000	32.890,000	43.093,000	43.093,000	5.000,000	5.000,000	
A.2.1	Trả nợ gốc các dự án ODA trong giai đoạn 2021-2025						2.160.157,793	659.921,660	7.888.371,141	2.138.935,272	1.651.181,971	686.381,000	
A.2.2	Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực						24.885,671	24.885,671	45.485,192	45.485,192	27.900,000	27.900,000	
I	Quốc phòng				15.011.907,145	2.254.539,015	2.135.272,122	635.035,989	7.842.885,949	2.093.450,080	1.623.281,971	658.481,000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				100.800,000	27.000,000	9.628,686	9.628,686	100.800,000	27.000,000	13.371,314	13.371,314	
	Dự án nhóm C				42.000,000	18.000,000	9.094,000	9.094,000	42.000,000	18.000,000	4.906,000	4.906,000	
1	Các dự án đầu tư cho khu vực phòng thủ tỉnh có tính chất mật (01 dự án)				42.000,000	18.000,000	9.094,000	9.094,000	42.000,000	18.000,000	4.906,000	4.906,000	
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024				58.800,000	9.000,000	534,686	534,686	58.800,000	9.000,000	8.465,314	8.465,314	
	Dự án nhóm C												
1	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Lý Quốc, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng	HL	2024	2150/QĐ-UBND; 12/11/2021	1.000,000	1.000,000	67,858	67,858	1.000,000	1.000,000	932,142	932,142	
2	Xây dựng nhà tiêu đội dân quân thường trực xã Cách Linh, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2024	2151/QĐ-UBND; 12/11/2021	1.000,000	1.000,000	66,828	66,828	1.000,000	1.000,000	933,172	933,172	
3	Các dự án đầu tư cho khu vực phòng thủ tỉnh, huyện có tính chất mật (03 dự án)				3.000,000	3.000,000	300,000	300,000	3.000,000	3.000,000	2.700,000	2.700,000	
4	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Hà Quảng/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1	HQ	2023-2025	5289/QĐ-BQP	53.800,000	4.000,000	100,000	100,000	53.800,000	4.000,000	3.900,000	3.900,000	
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				393.000,000	50.000,000	46.000,000	36.000,000	393.000,000	50.000,000	64.000,000	14.000,000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				393.000,000	50.000,000	46.000,000	36.000,000	393.000,000	50.000,000	64.000,000	14.000,000	
	Dự án nhóm B												
1	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng	TPCB	2022-2025	8402/QĐ-BCA-H01 ngày 18/10/2021 của Bộ Công an; 3957/QĐ-BCA-H02 ngày 31/5/2022	393.000,000	50.000,000	46.000,000	36.000,000	393.000,000	50.000,000	64.000,000	14.000,000	
III	Khoa học, công nghệ:												
(1)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư				35.000,000	35.000,000	0,000	0,000	15.000,000	15.000,000	300,000	300,000	
	Dự án nhóm C				35.000,000	35.000,000	0,000	0,000	15.000,000	15.000,000	300,000	300,000	
1	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường thử nghiệm và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng	TPCB	2024-2026	1786/QĐ-UBND; 30/9/2021; 2687/QĐ-UBND; 31/12/2021	35.000,000	35.000,000			15.000,000	15.000,000	300,000	300,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương							
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				10.000,000	10.000,000	500,000	500,000	10.000,000	10.000,000	9.500,000	9.500,000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				10.000,000	10.000,000	500,000	500,000	10.000,000	10.000,000	9.500,000	9.500,000	
	Dự án nhóm C												
1	Đầu tư hệ thống thiết bị và chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ sản xuất, hệ thống lưu trữ chương trình truyền hình HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cao Bằng	TPCB	2023-2025	2178/QĐ-UBND, 18/11/2021	10.000,000	10.000,000	500,000	500,000	10.000,000	10.000,000	9.500,000	9.500,000	
V	Y tế, dân số và gia đình				40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2024				40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
	Dự án nhóm C												
1	Xử lý chất thải của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	TPCB, HQ, QH, BLạc, BLâm, HL, NB, HA	2023-2025	QĐ số 2190/QĐ-UBND ngày 18/11/2021; NQ số 20/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
VI	Các hoạt động kinh tế				14.102.601,145	2.025.475,015	2.051.939,436	567.203,303	7.112.540,145	1.934.624,276	1.497.885,657	598.084,686	
VI.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				812.454,000	29.260,000	416.001,778	3.464,000	441.393,000	12.024,000	55.856,000	8.560,000	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				812.454,000	29.260,000	416.001,778	3.464,000	441.393,000	12.024,000	55.856,000	8.560,000	
	Dự án nhóm B												
1	Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng	HA, TA, NB	2018-2024	698/QĐ-UBND 19/5/2017	812.454,000	29.260,000	416.001,778	3.464,000	441.393,000	12.024,000	55.856,000	8.560,000	
VI.2	Giao thông				13.174.000,000	1.893.967,870	1.622.842,396	551.044,041	6.580.000,000	1.845.353,131	1.413.977,774	574.972,803	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				13.174.000,000	1.893.967,870	1.622.842,396	551.044,041	6.580.000,000	1.845.353,131	1.413.977,774	574.972,803	
	Dự án nhóm A												
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	Giai đoạn 1: 2020-2025; giai đoạn 2: sau năm 2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	1.893.967,870	1.622.842,396	551.044,041	6.580.000,000	1.845.353,131	1.413.977,774	574.972,803	
VI.3	Quy hoạch				26.147,145	12.247,145	1.800,000	1.400,000	26.147,145	12.247,145	24.347,145	10.847,145	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				26.147,145	12.247,145	1.800,000	1.400,000	26.147,145	12.247,145	24.347,145	10.847,145	
	Dự án nhóm C												
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lạc	BLạc	2023-2024	1124/QĐ-UBND, ngày 09/5/2023	2.044,571	654,571	180,000	140,000	2.044,571	654,571	1.864,571	514,571	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lâm	BLâm	2023-2024	859/QĐ-UBND, ngày 7/6/2023; 944/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	2.370,238	980,238	180,000	140,000	2.370,238	980,238	2.190,238	840,238	
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hạ Lang	HL	2023-2024	1132/QĐ-UBND, ngày 08/6/2023	1.633,551	243,551	180,000	140,000	1.633,551	243,551	1.453,551	103,551	
4	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng	HQ	2023-2024	658/QĐ-UBND, ngày 11/3/2023; 1776/QĐ-UBND, ngày 20/6/2023	3.203,907	1.813,907	180,000	140,000	3.203,907	1.813,907	3.023,907	1.673,907	
5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hòa An	HA	2023-2024	1078/QĐ-UBND, ngày 26/4/2023	2.646,788	1.256,788	180,000	140,000	2.646,788	1.256,788	2.466,788	1.116,788	
6	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nguyên Bình	NB	2023-2024	1415/QĐ-UBND, ngày 31/5/2023	2.281,896	891,896	180,000	140,000	2.281,896	891,896	2.101,896	751,896	
7	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	QH	2023-2024	840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023; 1100/QĐ-UBND, ngày 20/6/2023	3.149,725	1.759,725	180,000	140,000	3.149,725	1.759,725	2.969,725	1.619,725	
8	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch An	TA	2023-2024	905/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023	2.249,940	859,940	180,000	140,000	2.249,940	859,940	2.069,940	719,940	

3/5

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương							
9	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh	TK	2023-2024	301/QĐ-UBND, ngày 15/3/2023; 997/QĐ-UBND, ngày 25/4/2023	3.422,813	2.032,813	180,000	140,000	3.422,813	2.032,813	3.242,813	1.892,813	
10	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	TPCB	2023-2024	758/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023; 979/QĐ-UBND, ngày 23/6/2023	3.143,716	1.753,716	180,000	140,000	3.143,716	1.753,716	2.963,716	1.613,716	
VI.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế				90.000,000	90.000,000	0,000	0,000	50.000,000	50.000,000	1.000,000	1.000,000	
(1)	Dự án chuẩn bị đầu tư				90.000,000	90.000,000	0,000	0,000	50.000,000	50.000,000	1.000,000	1.000,000	
	Dự án nhóm B												
1	Đầu tư xây dựng công trình trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Chu Trinh	TPCB	2023-2026	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	90.000,000	90.000,000	0,000	0,000	50.000,000	50.000,000	1.000,000	1.000,000	
VI.5	Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phi quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã						11.295,262	11.295,262	15.000,000	15.000,000	2.704,738	2.704,738	
1	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Cao Bằng		2021-2025				8.295,262	8.295,262	10.000,000	10.000,000	1.704,738	1.704,738	
2	Quỹ Hội nông dân		2021-2025				3.000,000	3.000,000	5.000,000	5.000,000	1.000,000	1.000,000	
VII	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				321.006,000	77.564,000	24.504,000	19.504,000	162.045,804	31.825,804	14.925,000	9.925,000	
VII.1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025						18.504,000	18.504,000	23.100,804	23.100,804	2.200,000	2.200,000	
I	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						18.504,000	18.504,000			2.200,000	2.200,000	
-	UBND huyện Bảo Lạc						140,000	140,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Bảo Lâm						4.500,000	4.500,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Hạ Lang						1.456,000	1.456,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Hà Quảng						1.547,000	1.547,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Hòa An						1.100,000	1.100,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Nguyên Bình						2.640,000	2.640,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Quảng Hòa						2.431,000	2.431,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Thạch An						4.000,000	4.000,000			220,000	220,000	
-	UBND huyện Trùng Khánh						540,000	540,000			220,000	220,000	
-	UBND thành phố Cao Bằng						150,000	150,000			220,000	220,000	
VII.2	Thực hiện các dự án đầu tư				321.006,000	77.564,000	6.000,000	1.000,000	138.945,000	8.725,000	12.725,000	7.725,000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				321.006,000	77.564,000	6.000,000	1.000,000	138.945,000	8.725,000	12.725,000	7.725,000	
	Dự án nhóm B												
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - tỉnh Cao Bằng	TK, NB, HQ	2023-2026	716/QĐ-TTg 13/6/2022	299.006,000	72.564,000	1.000,000	1.000,000	116.945,000	3.725,000	2.725,000	2.725,000	
	Dự án nhóm C												
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh	22.000,000	5.000,000	5.000,000	0,000	22.000,000	5.000,000	10.000,000	5.000,000	
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				9.500,000	9.500,000	1.700,000	1.700,000	9.500,000	5.000,000	3.300,000	3.300,000	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				9.500,000	9.500,000	1.700,000	1.700,000	9.500,000	5.000,000	3.300,000	3.300,000	
1	Xây dựng mới trụ sở UBND xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Hòa An	2023-2025	số 4924/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	9.500,000	9.500,000	1.700,000	1.700,000	9.500,000	5.000,000	3.300,000	3.300,000	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất				13.484.647,145	533.194,657	1.848.779,966	449.047,570	7.257.995,467	680.688,657	1.430.524,196	200.000,000	
B.1	Tăng vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất				100.000,000	100.000,000	91.160,000	91.160,000	128.792,000	128.792,000	34.753,533	34.253,533	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương							
B.2	Bố trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại						54.000,000	54.000,000	107.737,000	107.737,000	38.737,000	38.737,000	
B.3	Bố trí cho dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính				35.812,343	35.812,343	12.000,000	12.000,000	35.812,343	35.812,343	10.500,000	10.500,000	
I	Bảo vệ môi trường				35.812,343	35.812,343	12.000,000	12.000,000	35.812,343	35.812,343	10.500,000	10.500,000	
I.1	Tài nguyên				35.812,343	35.812,343	12.000,000	12.000,000	35.812,343	35.812,343	10.500,000	10.500,000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				22.000,000	22.000,000	12.000,000	12.000,000	22.000,000	22.000,000	10.000,000	10.000,000	
1	Điều chỉnh hồ sơ địa chính các xã, huyện sau sáp nhập	Các huyện, TP	2022-2024	2012/QĐ-UBND, 27/10/2021; QĐ số 184/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	22.000,000	22.000,000	12.000,000	12.000,000	22.000,000	22.000,000	10.000,000	10.000,000	
(2)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư				13.812,343	13.812,343	-	-	13.812,343	13.812,343	500,000	500,000	
1	Lập hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất trên địa bàn các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	tỉnh Cao Bằng	2023-2025	15/NQ-HĐND ngày 27/4/2023	13.812,343	13.812,343	-	-	13.812,343	13.812,343	500,000	500,000	
B.4	Xây dựng nông thôn mới				46.000,000	16.000,000	9.039,000	9.039,000	46.000,000	16.000,000	6.961,000	6.961,000	
I	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn				46.000,000	16.000,000	9.039,000	9.039,000	46.000,000	16.000,000	6.961,000	6.961,000	
1	Huyện Hòa An	Các xã	2022-2025		10.500,000	4.500,000	3.289,000	3.289,000	10.500,000	4.500,000	1.211,000	1.211,000	
2	Huyện Bảo Lâm	Các xã	2022-2025		5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	
3	Huyện Bảo Lạc	Các xã	2022-2025		5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	
4	Huyện Nguyên Bình	Các xã	2022-2025		6.500,000	2.500,000	1.500,000	1.500,000	6.500,000	2.500,000	1.000,000	1.000,000	
5	Huyện Hà Lang	Các xã	2022-2025		5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	5.000,000	1.000,000	500,000	500,000	
6	Huyện Quảng Hòa	Các xã	2022-2025		6.500,000	2.500,000	1.500,000	1.500,000	6.500,000	2.500,000	1.000,000	1.000,000	
7	Huyện Trùng Khánh	Các xã	2022-2025		6.500,000	2.500,000	1.000,000	1.000,000	6.500,000	2.500,000	1.500,000	1.500,000	
8	Thành phố Cao Bằng	Các xã	2022-2025		1.000,000	1.000,000	250,000	250,000	1.000,000	1.000,000	750,000	750,000	
B.5	Thực hiện các dự án đầu tư				13.316.647,145	395.194,657	1.681.852,586	286.710,190	6.938.966,467	396.258,657	1.474.235,388	109.548,467	
I	Các hoạt động kinh tế				13.266.647,145	366.187,657	1.653.852,586	261.106,994	6.672.647,145	361.187,657	1.464.767,584	100.080,663	
I.1	Giao thông				13.224.000,000	335.787,657	1.638.933,916	247.588,324	6.630.000,000	330.787,657	1.447.886,254	83.199,333	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				50.000,000	50.000,000	16.091,520	16.091,520	50.000,000	50.000,000	33.908,480	33.908,480	
	Dự án nhóm C												
1	Cải tạo, nâng cấp đường Bảo Toàn (huyện Bảo Lạc) - Đức Hạnh (huyện Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng	BLạc, BLâm	2022-2024	1576/QĐ-UBND, ngày 31/8/2021	50.000,000	50.000,000	16.091,520	16.091,520	50.000,000	50.000,000	33.908,480	33.908,480	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				13.174.000,000	285.787,657	1.622.842,396	231.496,804	6.580.000,000	280.787,657	1.413.977,774	49.290,853	
	Dự án nhóm A												
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn	Giai đoạn 1: 2020-2025; giai đoạn 2: sau năm 2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	285.787,657	1.622.842,396	231.496,804	6.580.000,000	280.787,657	1.413.977,774	49.290,853	
I.2	Quy hoạch				26.147,145	13.900,000	1.800,000	400,000	26.147,145	13.900,000	13.500,000	13.500,000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				26.147,145	13.900,000	1.800,000	400,000	26.147,145	13.900,000	13.500,000	13.500,000	
	Dự án nhóm C												
1	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lạc	BLạc	2023-2024	1124/QĐ-UBND, ngày 09/5/2023	2.044,571	1.390,000	180,000	40,000	2.044,571	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bảo Lâm	BLâm	2023	859/QĐ-UBND, ngày 7/6/2023	2.370,238	1.390,000	180,000	40,000	2.370,238	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
3	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Lang	HL	2023-2024	1132/QĐ-UBND, ngày 08/6/2023	1.633,551	1.390,000	180,000	40,000	1.633,551	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
4	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hà Quảng	HQ	2023-2024	658/QĐ-UBND, ngày 11/3/2023; 1776/QĐ-UBND, ngày 20/6/2023	3.203,907	1.390,000	180,000	40,000	3.203,907	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
5	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Hòa An	HA	2023-2024	1078/QĐ-UBND, ngày 26/4/2023	2.646,788	1.390,000	180,000	40,000	2.646,788	1.390,000	1.350,000	1.350,000	

3/5

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú		
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn Ngân sách địa phương			
6	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Nguyên Bình	NB	2023-2024	1415/QĐ-UBND, ngày 31/5/2023		2.281,896	1.390,000	180,000	40,000	2.281,896	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
7	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Hòa	QH	2023-2024	840/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023; 1100/QĐ-UBND, ngày 20/6//2023		3.149,725	1.390,000	180,000	40,000	3.149,725	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
8	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thạch An	TA	2023-2024	905/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023		2.249,940	1.390,000	180,000	40,000	2.249,940	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
9	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trùng Khánh	TK	2023-2024	301/QĐ-UBND, ngày 15/3/2023; 997/QĐ-UBND, ngày 25/4/2023		3.422,813	1.390,000	180,000	40,000	3.422,813	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
10	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Cao Bằng	TPCB	2023	758/QĐ-UBND, ngày 22/5/2023; 979/QĐ-UBND ngày 23/6/2023		3.143,716	1.390,000	180,000	40,000	3.143,716	1.390,000	1.350,000	1.350,000	
I.3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản													
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
	Dự án nhóm C													
1	Các dự án thuộc đề án nông nghiệp thông minh													
I.1	Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng	HA	2022-2024	2700/QĐ-UBND, 31/12/2021; 1569/QĐ-UBND ngày 27/10/2022		16.500,000	16.500,000	13.118,670	13.118,670	16.500,000	16.500,000	3.381,330	3.381,330	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật													
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
	Dự án nhóm C													
1	Xây dựng khu tái định cư, phát triển quỹ đất thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TA	2022-2024	2235/QĐ-UBND; 22/11/2021; 1490/QĐ-UBND 17/10/2022		50.000,000	29.007,000	20.000,000	20.000,000	50.000,000	29.007,000	9.007,000	9.007,000	
2	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025													
C	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết													
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024													
	Dự án nhóm C													
1	Trường tiểu học Quý Quân, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	HQ	2022-2024	2218/QĐ-UBND, 22/11/2021		5.000,000	5.000,000	900,000	900,000	5.000,000	5.000,000	4.100,000	4.100,000	
2	Trường tiểu học Dân Chủ, xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	HA	2022-2024	1785/QĐ-UBND, 30/9/2021		5.000,000	5.000,000	1.994,406	1.994,406	5.000,000	5.000,000	3.005,594	3.005,594	
(2)	Dự án hoàn thành trước 31/12/2023													
	Dự án nhóm C													
1	Trường Mầm non Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TA	2021-2023	2683/QĐ-UBND, 25/12/2020		8.900,000	3.500,000	2.780,146	2.780,146	8.900,000	3.500,000	561,999	561,999	Thanh toán giá trị chênh lệch sau quyết toán
2	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	TA	2021-2023	2684/QĐ-UBND, 25/12/2020		10.900,000	4.000,000	3.260,000	3.260,000	10.900,000	4.000,000	558,455	558,455	Thanh toán giá trị chênh lệch sau quyết toán
II	Y tế, dân số và gia đình:													
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024													
1	Trạm y tế xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	HA	2023-2025	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 25/5/2022		5.000,000	5.000,000	1.000,000	1.000,000	5.000,000	5.000,000	2.400,000	2.400,000	
2	Trạm y tế xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	HA	2023-2025	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 25/5/2022		5.000,000	5.000,000	454,000	454,000	5.000,000	5.000,000	2.873,952	2.873,952	

Biểu số 03
KẾ HOẠCH NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Năm 2023		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG SỐ				16.472.705,757	4.760.641,413	2.494.411,631	1.334.999,457	3.270.002,931	1.837.287,535	9.433.292,344	4.725.232,000	2.022.868,774	1.254.320,000
I	Quốc phòng				80.000,000	80.000,000	58.327,535	58.327,535	76.827,535	76.827,535	80.000,000	80.000,000	3.172,465	3.172,465
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				80.000,000	80.000,000	58.327,535	58.327,535	76.827,535	76.827,535	80.000,000	80.000,000	3.172,465	3.172,465
	Dự án nhóm B													
1	Đường giao thông đôn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các Mốc từ 520 đến 534	Huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm	2021-2024	889/QĐ-UBND, 28/5/2021	80.000,000	80.000,000	58.327,535	58.327,535	76.827,535	76.827,535	80.000,000	80.000,000	3.172,465	3.172,465
II	Y tế, dân số và gia đình				180.000,000	120.000,000	50.000,000	50.000,000	50.829,000	50.829,000	120.000,000	120.000,000	59.171,000	59.171,000
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				180.000,000	120.000,000	50.000,000	50.000,000	50.829,000	50.829,000	120.000,000	120.000,000	59.171,000	59.171,000
	Dự án nhóm B													
1	Xây dựng mới Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2026	900/QĐ-UBND 31/5/2021; 1898/QĐ-UBND 13/10/2021; 31/QĐ-UBND 14/01/2022	180.000,000	120.000,000	50.000,000	50.000,000	50.829,000	50.829,000	120.000,000	120.000,000	59.171,000	59.171,000
III	Các hoạt động kinh tế				16.212.705,757	4.560.641,413	2.386.084,096	1.226.671,922	3.142.346,396	1.709.631,000	9.233.292,344	4.525.232,000	1.960.525,309	1.191.976,535
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				872.454,000	142.797,000	62.069,778	25.500,000	381.449,153	71.576,153	501.393,000	121.740,000	99.851,847	50.163,847
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				872.454,000	142.797,000	62.069,778	25.500,000	381.449,153	71.576,153	501.393,000	121.740,000	99.851,847	50.163,847
	Dự án nhóm B													
1	Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng	Hà Quảng, Thạch An, Nguyên Bình	2018-2024	698/QĐ-UBND 19/5/2017; 1883/QĐ-TTg 10/11/2021; 938/QĐ-UBND 27/7/2022	812.454,000	82.797,000	50.069,778	13.500,000	365.445,000	55.572,000	441.393,000	61.740,000	55.856,000	6.168,000
2	Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021-2025	Tỉnh Cao Bằng	2021-2024	2473/QĐ-UBND 09/12/2020	60.000,000	60.000,000	12.000,000	12.000,000	16.004,153	16.004,153	60.000,000	60.000,000	43.995,847	43.995,847
III.2	Công nghiệp				180.000,000	180.000,000	75.000,000	75.000,000	116.995,847	116.995,847	180.000,000	180.000,000	63.004,153	63.004,153
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				180.000,000	180.000,000	75.000,000	75.000,000	116.995,847	116.995,847	180.000,000	180.000,000	63.004,153	63.004,153
	Dự án nhóm B													
1	Dự án cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	2021-2024	854/QĐ-UBND 26/5/2021	180.000,00	180.000,000	75.000,000	75.000,000	116.995,847	116.995,847	180.000,000	180.000,000	63.004,153	63.004,153
III.3	Giao thông				14.950.251,757	4.027.844,413	2.164.014,318	1.041.171,922	2.523.892,396	1.401.050,000	8.341.899,344	4.013.492,000	1.731.106,309	1.012.245,535
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				979.352,413	869.352,413	381.171,922	381.171,922	734.400,000	734.400,000	965.000,000	855.000,000	120.600,000	120.600,000
	Dự án nhóm B													
1	Cầu Bản Đe (Sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm	Tỉnh Cao Bằng	2021-2024	892/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	80.000,000	80.000,000	47.500,000	47.500,000	73.400,000	73.400,000	80.000,000	80.000,000	6.600,000	6.600,000
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	huyện Hà Quảng, Huyện Hòa An	2021-2024	891/QĐ-UBND ngày 30/5/2021; 1242/QĐ-UBND ngày 15/7/2021	350.000,000	280.000,000	160.000,000	160.000,000	228.000,000	228.000,000	350.000,000	280.000,000	52.000,000	52.000,000

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Năm 2023		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến Kế hoạch năm 2024		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW										
3	Cải tạo, nâng cấp đường GT Chu Trinh (TPCB)- Hồng Nam (huyện Hòa An)	huyện Hòa An, thành phố Cao Bằng	2021-2024	895/QĐ-UBND ngày 30/5/2021; 1901/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	120.000,000	80.000,000	24.046,044	24.046,044	74.992,000	74.992,000	120.000,000	80.000,000	5.008,000	5.008,000		
4	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh (Cầu qua sông Gầm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	2020-2024	2672/QĐ-UBND ngày 25/12/2020; 2568/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	249.352,413	249.352,413	44.662,878	44.662,878	192.000,000	192.000,000	235.000,000	235.000,000	43.000,000	43.000,000		
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Huyện Quảng Hòa	2021-2024	2466/QĐ-UBND ngày 09/12/2020; 890/QĐ-UBND ngày 30/5/2021	180.000,000	180.000,000	104.963,000	104.963,000	166.008,000	166.008,000	180.000,000	180.000,000	13.992,000	13.992,000		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					13.970.899,344	3.158.492,000	1.782.842,396	660.000,000	1.789.492,396	666.650,000	7.376.899,344	3.158.492,000	1.610.506,309	890.645,535	
	Dự án nhóm B															
1	Đường tránh thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	Huyện Hòa An	2023-2026	1234/QĐ-UBND, 15/7/2021; 21/NQ-HĐND, 25/05/2022 1667/QĐ-UBND 15/11/2022	196.943,000	100.792,000	50.000,000	50.000,000	52.000,000	52.000,000	196.943,000	100.792,000	25.000,000	25.000,000		
2	Đường tránh thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa	2022-2025	1235/QĐ-UBND, 15/7/2021 1666/QĐ-UBND 15/11/2022	200.000,000	200.000,000	55.000,000	55.000,000	56.900,000	56.900,000	200.000,000	200.000,000	40.528,535	40.528,535		
3	Đường tránh thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng	2022-2025	1236/QĐ-UBND, 15/7/2021 1665/QĐ-UBND 15/11/2022	200.000,000	200.000,000	50.000,000	50.000,000	52.250,000	52.250,000	200.000,000	200.000,000	51.000,000	51.000,000		
4	Đường từ xã Sơn Lập (Bảo Lạc) - xã Yên Thổ (Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lạc, huyện Bảo Lâm	2023-2026	893/QĐ-UBND 30/5/2021 1243/QĐ-UBND 15/7/2021 539/QĐ-UBND 17/5/2023	199.956,344	157.700,000	5.000,000	5.000,000	5.500,000	5.500,000	199.956,344	157.700,000	80.000,000	80.000,000		
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	Tỉnh Cao Bằng, tỉnh Lạng Sơn	Giai đoạn 1: 2020-2025; giai đoạn 2: sau năm 2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP	13.174.000,000	2.500.000,000	1.622.842,396	500.000,000	1.622.842,396	500.000,000	6.580.000,000	2.500.000,000	1.413.977,774	694.117,000		
(3)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư					170.000,000	170.000,000	0,000	0,000	0,000	0,000	42.935,000	42.935,000	1.000,000	1.000,000	
1	Đường giao thông thị trấn Nước Hai (Hòa An) - Nà Bao (Nguyên Bình)	Huyện Hòa An, huyện Nguyên Bình	2025-2028	1237/QĐ-UBND 15/7/2021	170.000,000	170.000,000					42.935,000	42.935,000	1.000,000	1.000,000		
III.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế					100.000,000	100.000,000	40.000,000	40.000,000	44.509,000	44.509,000	100.000,000	100.000,000	32.063,000	32.063,000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					100.000,000	100.000,000	40.000,000	40.000,000	44.509,000	44.509,000	100.000,000	100.000,000	32.063,000	32.063,000	
	Dự án nhóm B									-	-					
1	Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái định cư và hệ thống đường giao thông)	Huyện Trùng Khánh	2022-2025	1833/QĐ-UBND; 9/12/2022	100.000,000	100.000,000	40.000,000	40.000,000	44.509,000	44.509,000	100.000,000	100.000,000	32.063,000	32.063,000		
III.5	Cấp nước; thoát nước					110.000,000	110.000,000	45.000,000	45.000,000	75.500,000	75.500,000	110.000,000	110.000,000	34.500,000	34.500,000	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					110.000,000	110.000,000	45.000,000	45.000,000	75.500,000	75.500,000	110.000,000	110.000,000	34.500,000	34.500,000	
	Dự án nhóm B															
1	Cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Cao Bằng	2021-2024	873/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 2646/QĐ-UBND ngày	110.000,000	110.000,000	45.000,000	45.000,000	75.500,000	75.500,000	110.000,000	110.000,000	34.500,000	34.500,000		

BIỂU SỐ 04
KẾ HOẠCH NĂM 2024 NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư								Năm 2023				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Dự kiến Kế hoạch năm 2024					Ghi chú	
					Số quyết định	TMDT						Tổng số	Kế hoạch			Tổng số	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Tổng số	Dự kiến Kế hoạch năm 2024						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vay lại	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vay lại				
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ (1000 USD)	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số								Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		Tổng số
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ (1000 USD)	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vay lại	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vay lại								
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
	TỔNG SỐ					1.124.110,000	410.168,000	82.797,000	0,000	713.942,000	602.975,000	110.967,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC					1.124.110,000	410.168,000	82.797,000	0,000	713.942,000	602.975,000	110.967,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	
1	Các hoạt động kinh tế					1.124.110,000	410.168,000	82.797,000		713.942,000	602.975,000	110.967,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	
1.1	Năng nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và hải sản					812.454,000	336.454,000	82.797,000		476.000,000	387.677,000	88.323,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024					812.454,000	336.454,000	82.797,000		476.000,000	387.677,000	88.323,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	
a	Dự án nhóm B																											
1	Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) tỉnh Cao Bằng	IFAD	2018	2024	698/QĐ-UBND 19/5/2017; 1883/QĐ-TTg 10/11/2021; 938/QĐ-UBND 23/7/2022	812.454,000	336.454,000	82.797,000		476.000,000	387.677,000	88.323,000	54.837,778	18.268,000		29.120,000	7.449,778	441.393,000	61.740,000		299.405,000	68.224,000	55.856,000	6.168,000		37.028,000	4.100,000	

Biểu số 05

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục Chương trình mục tiêu quốc gia	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2023			Lũy kế vốn đầu tư đã bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch năm 2024			Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
			Vốn đầu tư			Vốn đầu tư			Vốn đầu tư			Vốn đầu tư		
			NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	
1	2	3	4	5	7	8	9	23	24	25	27	28	29	31
	TỔNG CỘNG	4.959.596	4.706.217	253.379	2.454.820	1.158.344	79.579	4.124.193	2.393.462	77.612	1.271.679	1.271.679	-	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.815.606	2.679.114	136.492	1.570.185	656.800	59.446	2.397.981	1.172.522	59.446	775.172	775.172		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1.725.159	1.631.743	93.416	797.515	441.554	1.967	1.394.481	937.260	-	440.677	440.677	-	
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	395.360	23.471	87.120	59.990	18.166	331.731	283.680	18.166	55.830	55.830	-	

Biểu số 06
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
							TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	20
	TỔNG SỐ						27.229.413,000	2.303.610,338	3.680.269,256	744.687,566	3.816.269,256	812.287,566	27.300.650,322	5.103.026,679	3.436.718,497	680.360,067	Cán cân vào tình hình thu trong năm 2024, sẽ giao chi tiết cho các DA theo nguyên tắc, tiêu chí
A	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất)						25.851.683,000	1.419.380,338	3.313.584,792	733.003,102	3.293.584,792	733.003,102	26.106.003,322	4.402.779,679	3.011.955,548	255.597,118	
A1	Bổ trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại của các nguồn thu								33.600,000	33.600,000	33.600,000	33.600,000	221.084,000	221.084,000	30.000,000	30.000,000	Tỷ lệ % được hưởng của từng huyện, TP sẽ theo số thực tế thu trong năm 2024 và được giữ lại
A.2	Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực						25.851.683,000	1.419.380,338	3.279.984,792	699.403,102	3.259.984,792	699.403,102	25.884.919,322	4.181.695,679	2.981.955,548	225.597,118	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						415.500,000	122.500,000	20.600,000	10.600,000			600,000	10.600,000	415.500,000	79.000,000	65.000,000
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024						393.000,000	100.000,000	20.000,000	10.000,000			10.000,000	393.000,000	100.000,000	64.000,000	50.000,000
	Dự án nhóm B																
1	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng				2022-2025	3957/QĐ-BCA-H02 ngày 31/5/2022	393.000,000	100.000,000	20.000,000	10.000,000			10.000,000	393.000,000	100.000,000	64.000,000	50.000,000
(2)	Danh mục dự án dự kiến khởi công mới						22.500,000	22.500,000	600,000	600,000	600,000	600,000	22.500,000	22.500,000	15.000,000	15.000,000	
	Dự án nhóm C																
1	Xây dựng 08 trụ sở làm việc Công an xã tại các huyện Thạch An, Quảng Hòa, Hà Lang, Hòa An, tỉnh Cao Bằng				2023-2025	53/NQ-HĐND 30/8/2022	12.000,000	12.000,000	300,000	300,000	300,000	300,000	12.000,000	12.000,000	8.000,000	8.000,000	Chưa có qđ phê duyệt
2	Xây dựng 07 trụ sở làm việc Công an xã tại các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng				2023-2025	52/NQ-HĐND 30/8/2022	10.500,000	10.500,000	300,000	300,000	300,000	300,000	10.500,000	10.500,000	7.000,000	7.000,000	Chưa có qđ phê duyệt
II	Bảo vệ môi trường						40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
II.1	Môi trường						40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	
	Dự án nhóm C																
1	Xử lý chất thải của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng		Thành phố, Hà Quảng, Quảng Hòa, Bảo Lạc, Hà Lang, Nguyên Bình, Bảo Lâm, Hòa An		2023-2025	2190/QĐ-UBND, 18/11/2021; 20/NQ-HĐND, 25/5/2022	40.000,000	20.000,000	1.000,000	500,000	1.000,000	500,000	40.000,000	20.000,000	20.000,000	10.000,000	Bao gồm nguồn NSDP
III	Các hoạt động lĩnh vực						25.114.000,000	1.043.797,338	3.250.684,792	680.603,102	3.250.684,792	680.603,102	25.114.000,000	3.812.488,946	2.837.955,548	105.597,118	
(III.1)	Dự án tái định cư, ổn định dân cư						12.568.000,000	527.898,669	1.627.842,396	340.301,551	1.627.842,396	340.301,551	12.568.000,000	1.912.244,473	1.423.977,774	5.000,000	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024						22.000,000	12.000,000	5.000,000	-	5.000,000	-	22.000,000	12.000,000	10.000,000	5.000,000	
	Dự án nhóm B																
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xóm Đồng Át, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng		Quảng Hòa		2023-2025	18/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh; QĐ số	22.000,000	12.000,000	5.000,000		5.000,000	-	22.000,000	12.000,000	10.000,000	5.000,000	
(III.2)	Giao thông						12.546.000,000	515.898,669	1.622.842,396	340.301,551	1.622.842,396	340.301,551	12.546.000,000	1.900.244,473	1.413.977,774	100.597,118	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						60.000,000	20.000,000	-	-	45.000,000	15.000,000	60.000,000	20.000,000	5.000,000	5.000,000	
	Dự án nhóm C																
1	Đường nội thị thị trấn Đồng Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng		Thạch An		2022-2024	1378/QĐ-UBND, ngày 04/8/2021; số 2278/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	60.000,000	20.000,000	-	-	45.000,000	15.000,000	60.000,000	20.000,000	5.000,000	5.000,000	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024																
	Dự án nhóm A															95.597,118	

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2023		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu năm KH năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2024		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đầu tư bổ sung từ NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	20
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn)- Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư			115 Km đường cao tốc	GD 1: 2020-2024; GB 2: sau năm 2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TTgCP; 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của TTgCP; 1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	12.546.000,000	515.898,669	1.622.842,396	340.301,551	1.622.842,396	340.301,551	12.546.000,000	1.900.244,473	1.413.977,774	95.597,118	
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				-	-	282.183,000	233.083,000	7.700,000	7.700,000	7.700,000	7.700,000	315.419,322	226.706,733	45.000,000	45.000,000	
(1)	Vốn đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia								7.700,000	7.700,000	7.700,000	7.700,000	216.319,322	176.706,733	30.000,000	30.000,000	
(2)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						282.183,000	233.083,000	-	-	-	-	99.100,000	50.000,000	15.000,000	15.000,000	
	Dự án nhóm B																
1	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, TPCB		TPCB		2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh	282.183,000	233.083,000	-	-	-	-	99.100,000	50.000,000	15.000,000	15.000,000	
B	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh						1.095.547,000	651.147,000	356.684,464	1.684,464	512.684,464	69.284,464	1.095.547,000	651.147,000	385.662,949	385.662,949	
I	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						1.095.547,000	651.147,000	356.684,464	1.684,464	512.684,464	69.284,464	1.095.547,000	651.147,000	385.662,949	385.662,949	
(1)	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2024						365.000,000	179.600,000	100.000,000	-	200.000,000	14.600,000	365.000,000	179.600,000	165.000,000	165.000,000	
	Dự án nhóm B																
1	Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng		TPCB		2021-2024	2066/QĐ-UBND; 4/11/2021; NQ số 34/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	365.000,000	179.600,000	100.000,000	-	200.000,000	14.600,000	365.000,000	179.600,000	165.000,000	165.000,000	
(2)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						730.547,000	471.547,000	256.684,464	1.684,464	312.684,464	54.684,464	730.547,000	471.547,000	103.862,536	103.862,536	
	Dự án nhóm C																
1	Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành của tỉnh Cao Bằng		TPCB		2022-2025	2219/QĐ-UBND; 22/11/2021; NQ số 35/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	720.000,000	462.000,000	255.000,000	-	308.000,000	50.000,000	720.000,000	462.000,000	99.000,000	99.000,000	
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng				2022-2023		10.547,000	9.547,000	1.684,464	1.684,464	4.684,464	4.684,464	10.547,000	9.547,000	4.862,536	4.862,536	
(3)	Bổ trí vốn cho các dự án hoàn thành trong năm 2023						355.896,000	239.400,000	-	-	-	122.599,587	355.896,000	239.400,000	116.800,413	116.800,413	
	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng		TP CB		2019-2023	số 1926/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 1544/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	355.896,000	239.400,000	-	-	-	122.599,587	355.896,000	239.400,000	116.800,413	116.800,413	
C	Nguồn thu hợp pháp khác						282.183,000	233.083,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	99.100,000	49.100,000	39.100,000	39.100,000	
I	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật						282.183,000	233.083,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	99.100,000	49.100,000	39.100,000	39.100,000	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						282.183,000	233.083,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	99.100,000	49.100,000	39.100,000	39.100,000	
	Dự án nhóm B																
1	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, TPCB		TPCB		2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh	282.183,000	233.083,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	99.100,000	49.100,000	39.100,000	39.100,000	Vốn hỗ trợ từ CTCP Gang thép Cao Bằng

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 3458/BTH-SKHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 06 tháng 11 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024

Thực hiện Công văn số 2422/UBND-TH ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) và kỳ họp thường lệ cuối năm 2023 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII. Ngay sau khi có số thông báo Kế hoạch Đầu tư vốn NSNN năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023; số 8678/BKHĐT-TH ngày 19/10/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024, báo cáo xin ý kiến Ban cán sự Đảng UBND tỉnh tại cuộc họp tổ chức ngày 23/10/2023 và UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2919/BC-UBND ngày 29/10/2023 về dự kiến Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Cao Bằng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Để đảm bảo đủ căn cứ tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Công văn số 3362/SKHĐT-THQH ngày 27/10/2023 gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố xin ý kiến dự thảo Nghị quyết.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tiếp thu, làm rõ các ý kiến góp ý¹ dự thảo Nghị quyết như sau:

STT	Đơn vị góp ý kiến	Nội dung góp ý	Ý kiến giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	Ban Dân tộc (Công văn số 1610/BDT-CSDT ngày 31/10/2023)	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		

¹ Đến 17 giờ ngày 03/11/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được ý kiến góp ý của 29 đơn vị trong đó: 12 đơn vị nhất trí, 15 đơn vị có ý kiến điều chỉnh; 02 đơn vị có ý kiến rà soát logic số học

2	Sở Tư pháp (Công văn số 1763/STP-XDVB&PBGDPL ngày 31/10/2023)	1. Điều chỉnh thứ tự căn cứ pháp lý “ <i>Quyết định số /QĐ-TTG ngày tháng năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024</i> ” ngay sau căn cứ thứ 6.	Đã chỉnh sửa	
		2. Chỉnh sửa Điều 3 dự thảo Nghị quyết Dự thảo ghi: “ <i>Nghị quyết ngày đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 17 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày biểu quyết thông qua</i> ” Chỉnh sửa lại như sau: “ <i>Nghị quyết ngày đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII kỳ họp thứ 17 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua</i> ”.	Đã chỉnh sửa	
3	Sở Tài chính (Công văn số 2698/STC-TCĐT ngày 03/11/2023)	I. TẠi BIỂU SỐ 02 – VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước 1.1. Kế hoạch trả nợ gốc, lãi, phí đối với các khoản vay của chính quyền địa phương - Nhất trí với số liệu trả nợ gốc: 27.900 trđ - Điều chỉnh số trả nợ lãi phí thành 0 đ. Lý do: Năm 2024, Bộ Tài chính dự kiến tách riêng phần trả nợ lãi giao cho địa phương, không tổng hợp chung và chi ĐTPT như năm 2022, 2023. 1.2. Đối với nội dung Hỗ trợ thực hiện các CT MTQG giai đoạn 2021-2025 - Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ kinh phí đối ứng cho Chương trình MTQG nào?	- Đã điều chỉnh - Chi tiết phân bổ kinh phí đối ứng sẽ có Nghị quyết riêng của HĐND tỉnh.	

	2. Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 2.1. Nội dung Tăng vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất là: 34.753,533 trđ - Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 đã bỏ nội dung “trích 10% Quỹ phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất”. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Quỹ phát triển đất xác định lại kế hoạch vốn bố trí trên nhu cầu thực tế của đơn vị. 2.2. Đối với nội dung Bố trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại: 38.737 trđ - Sau khi có số liệu chính thức về dự toán thu năm 2024, trong đó có nguồn thu tiền sử dụng đất, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ chi tiết cho từng huyện, thành phố để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện. 2.3. Dự án “Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng” - Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát lại đảm bảo logic, hợp lý về số liệu, cụ thể: Tổng số vốn lũy kế bố trí hết năm 2024 (cột 10+cột 16) = 17.228,38 trđ > 16.500 trđ (TMĐT dự án). 3. Đầu tư từ nguồn thu sở hữu kiến thiết 3.1. Dự án: Trường mầm non Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Trường tiểu học và trung học cơ sở Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - Các dự án trên có thời gian KC-HT là 2021-2023. Tuy nhiên, năm 2024 vẫn được bố trí KH vốn. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại KH vốn đảm bảo thực hiện theo Luật	- Đã điều chỉnh - Giữ nguyên theo phương án - Đã điều chỉnh - 02 dự án này đã được Sở Tài chính phê duyệt quyết toán tại QĐ số 79/QĐ-STC ngày 31/5/2023 (công	
--	---	---	--

		Đầu tư công.	nợ phải trả của dự án là 561,999 trđ); số 59/QĐ-STC ngày 04/5/2023 (công nợ phải trả của dự án là 558,455 trđ) Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn còn lại theo số liệu quyết toán.	
		3.2. Dự án: Trường tiểu học và THCS Cô Mười, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng - Dự án có thời gian KC-HT là 2022-2024. KH vốn năm 2024: 1.290,146 trđ. Tuy nhiên, lũy kế vốn hết năm 2024 1.290,146 trđ. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát KH vốn, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công 2019 và bố trí đủ vốn cho dự án trong năm 2024.	Dự án chưa được cấp có thẩm quyền Quyết định phê duyệt dự án. Đã chỉnh sửa.	
		II. Tại Biểu số 03. Vốn Ngân sách trung ương (vốn trong nước) 1. Đối với 03 dự án: Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa- thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; Cải tạo, nâng cấp đường GT Chu trình (TPCB) – Hồng Nam (huyện Hòa An); Dự án nâng cấp, cải tạo đường Nà Pòng-Đức Hạnh (cầu qua sông Gâm), huyện Bảo Lam, tỉnh Cao Bằng. - Các dự án đều có thời gian KC-HT là 2021-2024. Tuy nhiên, lũy kế số vốn dự kiến bố trí hết năm 2024 (cột 10 + cột 16) chưa bố trí bằng TMĐT. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại kế hoạch vốn, thực hiện theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và đảm bảo bố trí đủ vốn cho dự án. 2. Dự án cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao tỉnh Cao Bằng	- Các dự án trên đã đảm bảo số vốn lũy kế dự kiến bố trí từ nguồn NSTW (vốn trong nước) bằng Kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án. - Tương tự ý kiến của Ban QLDA	

		Rà soát lại số liệu đảm bảo tính logic, hợp lý	ĐT&XD tính. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, chỉnh sửa.	
		III. Biểu số 04-Vốn NSTW (vốn nước ngoài) 1. Đối với Kế hoạch vay lại từ Chính phủ - Dự thảo ghi: 4.114 trđ - Chỉnh sửa lại: 4.100 trđ theo số liệu dự kiến giao năm 2024 của Bộ Tài chính	- Đã chỉnh sửa	
		IV. Biểu số 06. Kế hoạch vốn đầu tư bổ sung từ ngân sách địa phương 1. Nội dung Hỗ trợ thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025: 30.000 trđ - Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ kinh phí đối ứng cho Chương trình MTQG nào?	Chi tiết phân bổ đối ứng sẽ có Nghị quyết riêng của HĐND tỉnh.	
		V. Đối với Tổng kế hoạch vốn bố trí từ nguồn tăng thu NSDP (bao gồm nguồn thu sử dụng đất) và nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh - Đến thời điểm góp ý dự thảo Kế hoạch đầu tư công năm 2024 như đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chưa nhận được số dự kiến giao thu năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng chính thức của Cục thuế tỉnh (sau khi Bộ Tài chính bổ sung số giao dự toán thu tiền sử dụng đất 50.000 triệu đồng) và thông báo chính thức của Bộ Tài chính về dự toán chi Ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh. Do vậy, Sở Tài chính chưa có cơ sở tổng hợp dự toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024. - Về tổng kế hoạch vốn bố trí từ nguồn tăng thu ngân sách	Số dự kiến giao chi tiết KH ĐTC 2024 nguồn vốn tăng thu NSDP (bao gồm thu sử dụng đất) và nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh dựa vào tổng số vốn trong KH đầu tư công trung hạn; tình hình thu thực tế không đạt KH vốn tại các năm 2021, 2022, 2023.	

		địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất) và nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh theo như dự kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 505.459,654 triệu đồng là chưa đủ cơ sở. Sở Tài chính đang tiếp tục phối hợp với Cục thuế tỉnh và các cơ quan liên quan để xác định lại dự toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024. Khi có số liệu chính thức, Sở Tài chính sẽ thông báo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để có căn cứ xây dựng, điều chỉnh lại dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất) và nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh		
4	Sở Nông nghiệp và PTNT (CV số 2880/SNN-KHTC ngày 02/11/2023)	1. Biểu số 02-Ngân sách địa phương - Bổ sung dự án thành phần số 3 Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Cao Bằng thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc với số vốn 9.106,00 trđ Lý do: Dự án đang đề nghị điều chỉnh giảm vốn KH năm 2023 theo CV 2769/SNN-KHTC ngày 23/10/2023, chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt (giảm từ 9.106,00 trđ xuống 0,00 trđ)	Do dự án này đã được bố trí vốn lũy kế hết 2023 bằng trung hạn theo từng nguồn vốn. Đối với trường hợp năm 2023 dự án không thể giải ngân được hết số vốn đã giao. Đề nghị CĐT xem xét, trình cấp có thẩm quyền kéo dài dài vốn theo Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP	
		2. Biểu số 03 – Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) - Đề nghị bổ sung dự án “Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021 – 2025” do Sở NN&PTNT đề nghị điều chỉnh giảm KH vốn trong năm 2023 từ 30.000,00 trđ xuống còn 12.000,00 trđ	Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm KH vốn 2023 vốn của dự án từ 30.000,00 trđ xuống còn 16.831,00 trđ (tương ứng mức giảm 13.169,00 trđ). Nhất trí bổ sung dự án vào danh mục KH ĐTC 2024 với số vốn 13.169,00	

			trở	
5	Sở Khoa học và Công nghệ (CV số 1882/SKHCN-VP ngày 03/11/2023)	1. Đối với dự án “Đầu tư nâng cao năng lực đo lường thử nghiệm và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Cao Bằng.” <u>Đề xuất:</u> tăng vốn đầu tư 2024 từ 6.000,00 trở lên 12.000,00 trở. <u>Lý do:</u> Dự án chia làm 02 giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, nên giai đoạn 2021-2025 sẽ tập trung mua sắm các trang thiết bị cần thiết để bổ sung cho hoạt động của Trung tâm UDKHCN trong năm 2024. Năm 2025 chủ yếu sẽ tập trung vào đào tạo, tập huấn, chuyển giao và bổ sung các thiết bị còn lại.	Thời điểm hiện tại, Dự án chưa được cấp có thẩm quyền Quyết định phê duyệt đầu tư nên KH 2024 bố trí vốn chuẩn bị đầu tư với KH vốn là 300 trở. KH ĐTC 2024 điều chỉnh giảm từ 6 tỷ xuống còn 300 trở (tương ứng mức giảm 5,7 tỷ).	
		2. Dự án: “Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng.” Đề nghị điều chỉnh số vốn KH ĐTC 2024 vì dự án đang đề nghị điều chỉnh tăng thêm số vốn đối với KH ĐTC 2023 là 8.000 trở.	Đã rà soát, chỉnh sửa giảm Kế hoạch vốn 2024 từ 11.381,33 trở xuống còn 3.381,33 trở. Sở KHĐT đã tổng hợp vào phương án điều chỉnh KH ĐTC 2023 của dự án, bổ sung thêm 8 tỷ.	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường (CV số 3629/STNMT-KHTH ngày 02/11/2023)	1. Bổ sung danh mục dự án “Lập hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất trên địa bàn các huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng” <u>Lý do:</u> Dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt CTĐT tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/4/2023; bổ sung trung hạn tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 về điều chỉnh trung hạn (lần 5)	Nhất trí bổ sung vào danh mục chuẩn bị đầu tư. Dự kiến KH ĐTC 2024: 500 trở.	
		2. Điều chỉnh vốn 2024 dự án “Điều chỉnh hồ sơ các xã,	Nhất trí bổ sung sau khi cấp có thẩm	

		huyện sau sát nhập” tăng từ 7.000 trở lên 10.000 trở Lý do: Sở TNMT đang đề nghị giảm KH 2023 từ 8.000 trở xuống 5.000 trở (tương ứng mức giảm 3.000 trở)	quyền quyết định điều chỉnh KH ĐTC 2023	
7	Ban Quản lý Khu kinh tế (CV số 1780/BQLKKT-KHTH ngày 31/10/2023)	Đề nghị tăng vốn NSTW (Vốn trong nước) dự án “Hạ tầng cửa khẩu Trà Lĩnh (khu tái cư và hệ thống giao thông)” từ 20.000 trở lên 40.000 trở. Lý do: Theo tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt hoàn thành năm 2025, TMĐT 100 tỷ. Tuy nhiên, hiện nay Ban QLKKT đang tập trung cho công tác đền bù, GPMB, đồng thời đặt mục tiêu đến tháng 12/2023 sẽ hoàn thiện thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với Gói thầu thi công xây dựng hạng mục tuyến đường nối khu vực cửa khẩu với khu trung chuyển hàng hóa, thi công hạ tầng khu tái định cư phục vụ GPMB. Do vậy, để đảm bảo các công việc triển khai trong năm 2024 thì số vốn cần bố trí là 40 tỷ đồng. Mặt khác, tại Báo cáo số 2188/BC-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh gửi Bộ KHĐT đề xuất bổ sung vốn cho dự án thêm 56,173 trở.	Số vốn dự kiến bố trí cho dự án trong KH ĐTC 2024 là 20 tỷ đã được BCSĐ UBND tỉnh nhất trí phương án tại cuộc họp ngày 23/10/2023. Trong năm 2024, Sở KHĐT sẽ tiếp tục rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chuyển vốn từ dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án có khả năng giải ngân. Đề nghị CĐT triển khai dự án đảm bảo theo tiến độ được duyệt, sớm phát huy hiệu quả của dự án.	
8	Ban điều phối dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP) (CV số 434/CSSP-KH ngày 02/11/2023)	Đề nghị điều chỉnh tăng vốn NSTW (vốn trong nước) từ 1.400 trở lên 6.168 trở (tăng 4.768 trở) Lý do: số vốn KH 2024 bao gồm vốn nước ngoài năm 2022 của Dự án CSSP chưa giải ngân hết bị hủy dự toán và được phép bố trí lại vào các năm sau theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 và số vốn điều chỉnh 15.409,542 trở của hạng mục ngân sách từ Tài chính nông thôn cung cấp tín dụng cho nhóm tiết kiệm và tín dụng của Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh không thực hiện giải ngân chuyển sang đầu tư CSHT thuộc hạng mục ngân sách tài trợ và trợ cấp, đã được điều chỉnh tại Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Cao Bằng.	Đã chỉnh sửa	

9	Ban QLDA đầu tư và xây dựng tỉnh (CV số 952/BQLDA-KHĐT ngày 01/11/2023)	I. Biểu số 02 – Vốn ngân sách địa phương 1. Dự án Kè chống sạt lở khu ruộng xóm Nà Mo, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm Dự án đã được giao đủ vốn năm 2023, không có nhu cầu vốn năm 2024. 2. Dự án Trường mầm non Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An - Đề xuất vốn KH năm 2024 là 561,999 trđ - Lý do: Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán tại QĐ số 79/QĐ-STC ngày 31/5/2023 của Sở Tài chính; trong đó: công nợ phải trả của dự án là 561,999 trđ 3. Trường tiểu học và trung học cơ sở Đức Xuân, xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng - Đề xuất vốn KH năm 2024 là 558,455 trđ - Lý do: Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán tại QĐ số 59/QĐ-STC ngày 04/5/2023 của Sở Tài chính; trong đó: công nợ phải trả của dự án là 558,455 trđ 4. Dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng - Đề xuất bổ sung danh mục trong KH ĐTC 2024 số vốn 116.800,413 trđ - Lý do: Đến thời điểm hiện tại, dự án được giao 239.095,587 trđ, còn thiếu 116.800,413 trđ so với TMĐT được duyệt. Mặt khác dự án đang thực hiện điều chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024. 5. Dự án Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang	Đã điều chỉnh (Dự án đã bố trí từ nguồn NSDP bổ sung cho chi ĐTPT – 624 tỷ) Đã điều chỉnh Đã điều chỉnh Nhất trí bổ sung	
---	--	---	--	--

	thiết bị cho Trường Chính trị Hoàng Đình Giong - Đề xuất bổ sung danh mục trong KH ĐTC 2024 với số vốn 30.000,00 trđ. - Lý do: Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1297/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng với thời gian thực hiện năm 2023-2025. Hiện nay, dự án đang thực hiện lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công. Sau khi lập xong hồ sơ thiết kế BVTC, Ban QLDA sẽ trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ TKBVTC; trình, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch LCNT và tổ chức đấu thầu gói thầu xây lắp, dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2023. Năm 2023, dự án mới được giao 3.000,00 trđ để thực hiện chuẩn bị đầu tư, vì vậy, cần bổ sung thêm vốn để thực hiện các bước tiếp theo của dự án.	Cơ cấu vốn đầu tư của dự án là 100% sử dụng “Nguồn NSDP bổ sung cho chi đầu tư phát triển” đã được phê duyệt tại Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 27/4/2023; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh KH ĐTC trung hạn. Sở KHĐT dự kiến tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn KH ĐTC 2023 là 35.000 trđ.	
	II. Biểu số 03 – Vốn Ngân sách Trung ương (vốn trong nước) 1. Dự án cấp nước sinh hoạt một số xã vùng cao tỉnh Cao Bằng Đề xuất điều chỉnh số liệu tại cột “KH năm 2023” từ 45.000 trđ đến 40.000 trđ và rà soát lại tính logic ở các cột dữ liệu tiếp theo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư dự kiến tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh KH ĐTC năm 2023 trong đó bổ sung thêm vốn cho dự án là 5.000 trđ, tổng số vốn KH năm 2023 sẽ tăng từ 40.000 trđ lên 45.000 trđ. Như vậy tương ứng với số vốn KH ĐTC 2024 sẽ giảm từ 39.500 trđ đến 34.500 trđ	
	III. Biểu số 06 - Kế hoạch vốn đầu tư bổ sung từ Ngân sách địa phương “Dự án trụ sở làm việc các sở, ban, ngành” Đề nghị rà soát tính logic số liệu tại cột Tổng số các nguồn vốn và cột Kế hoạch năm 2024	Đã chỉnh sửa Dự kiến vốn KH ĐTC năm 2024 là	

			99.000 trđ	
10	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (CV số 4377/BCH-HC ngày 01/11/2023)	1. Đề xuất bổ sung danh mục dự án “Đầu tư xây dựng doanh trại Ban CHQS huyện Hà Quảng/Bộ CHQS tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1” vào KH ĐTC 2024 số vốn 3,9 tỷ (cơ cấu vốn đầu tư của dự án là 4/53,8 tỷ sử dụng NSDP) Dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3141/QĐ-BQP ngày 20/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Hà Quảng/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng/Quân khu 1; điều chỉnh chủ trương trại Quyết định số 5289/QĐ-BQP ngày 24/10/2023.	Nhất trí bổ sung danh mục dự án chuẩn bị đầu tư. Số vốn bố trí 3,9 tỷ nguồn NSDP	
11	Công an tỉnh (CV số 5312/CAT-PH10 ngày 03/11/2023)	1. Biểu số 02 – Vốn ngân sách địa phương Dự án “Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng”: Bố trí vốn ngân sách địa phương năm 2024 cho dự án là 8 tỷ đồng, nguồn khác: 50 tỷ đồng. Hiện nay dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng đã khởi công gói thầu xây lắp số 01 và gói thầu xây lắp số 02. Dự kiến khối lượng hoàn thành cả hai gói thầu trong năm 2024 đạt 110 tỷ (trong đó sử dụng kinh phí địa phương 14 tỷ). Do đó việc bố trí vốn ngân sách địa phương cho công trình 8 tỷ đồng là chưa đáp ứng được khả năng thanh toán của đơn vị. Mặt khác việc thông báo vốn từ nguồn vốn bổ sung từ sách địa phương là 50 tỷ đồng nhưng phải đợi cuối năm tỉnh có cân đối tăng thu mới thực cấp, và thực tế năm 2022, 2023 Công an tỉnh đều không được cấp vốn từ nguồn này. Do vậy Công an tỉnh không thể chủ động trong việc bố trí vốn để thanh toán khối lượng cho nhà thầu.		

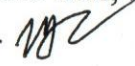
		Đề nghị Sở Kế hoạch đầu tư: - Cấp hết số vốn còn lại của ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là: 14 tỷ đồng. - Điều chỉnh cơ cấu vốn của công trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 từ nguồn vốn đầu tư bổ sung từ ngân sách địa phương sang vốn ngân sách địa phương: 100 tỷ đồng. Hàng năm bố trí vốn cho dự án theo thông báo đầu năm để Công an tỉnh chủ động trong việc thanh toán khối lượng công trình.	- Nhất trí. Số vốn bố trí KH ĐTC 2024 của dự án là 14,00 tỷ - Đề nghị Công an tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quy trình điều chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu bố trí vốn cho dự án.	
		2. Đối với biểu số 06 - Kế hoạch vốn đầu tư bổ sung từ ngân sách địa phương. Tại mục A- A2-II- (1) và (2). 2.1 Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Cao Bằng. Đề nghị điều chỉnh và cấp vốn như mục 1. 2.2 Hai dự án: Xây dựng 08 trụ sở làm việc Công an xã tại các huyện Thạch An, Quảng Hòa, Hạ Lang, Hòa an tỉnh Cao Bằng và Xây dựng 07 trụ sở làm việc Công an xã tại các huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng. Dự thảo nghị quyết bố trí vốn từ nguồn đầu tư bổ sung từ NSDP là 11 tỷ đồng cho hai dự án. Hiện nay Công an tỉnh đang trình UBND tỉnh phê duyệt dự án. Dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2024. Năm 2023 tỉnh đã thông báo cấp vốn cho dự án này từ nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương, tuy nhiên đến cuối năm không cân đối để cấp vốn cho Công an tỉnh. Vì vậy việc tiếp tục bố trí vốn cho hai dự án này từ nguồn vốn đầu tư bổ sung từ ngân sách địa phương và không có kế hoạch cấp vốn cụ thể làm Công an tỉnh không thể chủ động trong việc bố trí		

		vốn để thanh toán khối lượng cho nhà thầu. - Đề nghị Sở kế hoạch đầu tư: Điều chỉnh cơ cấu vốn của công trình trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 từ nguồn vốn bổ sung từ ngân sách địa phương sang vốn ngân sách địa phương: 22,5 tỷ. Hàng năm có kế hoạch cấp vốn cụ thể theo thông báo đầu năm để Công an tỉnh chủ động trong việc thanh toán khối lượng công trình. - Đề nghị cấp vốn năm 2024 là: 22,5 tỷ đồng chẵn	- Đề nghị Công an tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quy trình điều chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định. Khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tham mưu bố trí vốn cho dự án. - Rà soát bố trí tổng vốn KH ĐTC 2024 từ 11,0 tỷ lên 15,0 tỷ.	
12	UBND thành phố (CV số 2788/UBND-TCKH ngày 03/11/2023)	1. Tại biểu số 02: Kế hoạch đầu tư công năm 2023 - vốn ngân sách địa phương: Phần B - Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất Mục B.4 Xây dựng nông thôn mới, số thứ tự 8 thành phố Cao Bằng Đề xuất điều chỉnh giảm vốn từ 750 triệu đồng xuống còn 200 triệu đồng. <u>Lý do:</u> Hiện nay trên địa bàn 3 xã của thành phố Cao Bằng các tuyến đường chưa được bê tông hóa chủ yếu là các tuyến đường phục vụ đi lại của 1 hoặc 2 hộ gia đình hoặc các tuyến đường có quy mô lớn người dân không có khả năng đóng góp tiền và vật liệu khác như cát, đá... cần hỗ trợ 100% vật liệu Nhân dân mới có thể thực hiện được. Việc triển khai lồng ghép các nguồn vốn khác gặp nhiều khó khăn do đó năm 2021 thành phố phải nộp trả 409,4 / 1.000 triệu đồng số vốn được giao, năm 2022 nộp trả 47,9 / 250 triệu đồng số vốn được giao, do đó để tăng tỷ lệ giải ngân nguồn vốn trên, Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn và kiến nghị Sở Kế hoạch và đầu tư xem xét, trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ tất cả các vật liệu phục vụ làm đường giao thông	- Đã điều chỉnh	

		nông thôn phục vụ xây dựng nông thôn mới		
		2. Tại biểu số 06: Kế hoạch vốn đầu tư bổ sung từ ngân sách địa phương Phần A: Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm nguồn thu sử dụng đất) Mục IV: Các hoạt động kinh tế 2 Đề xuất bổ sung dự án Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rua, thành phố Cao Bằng với số vốn kế hoạch năm 2024 là 43.000 triệu đồng. <u>Lý do:</u> Hiện nay dự án đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, cuối năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, năm 2024 sẽ thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, ký kết hợp đồng và triển khai thi công. Theo dự thảo Nghị quyết dự án chỉ được bố trí 39.100 triệu đồng từ vốn hỗ trợ của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng để tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng, chưa có vốn để cho công tác thi công xây dựng, do đó dự án cần bổ sung vốn để kịp thời triển khai theo tiến độ dự án	- Nhất trí bổ sung danh mục dự án vào Nguồn tăng thu (bao gồm thu sử dụng đất) với số vốn KH ĐTC 2024 là 15.000,00 trđ	
13	Kho bạc Nhà nước Cao Bằng (CV số 986/KBCB-KSC ngày 01/11/2023)	Rà soát tính logic số học của số liệu	Đã rà soát	
14	Sở Công thương (CV số 2245/SCT-KHTCTH ngày 02/11/2023)	Rà soát tính logic số học của số liệu	Đã rà soát	

15	UBND huyện Bảo Lâm (CV số 2772/UBND-TCKH ngày 02/11/2023)	Đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm kính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét kế hoạch vốn năm 2024 của huyện Bảo Lâm đảm bảo bố trí đủ vốn cho các dự án có thời gian thực hiện kết thúc năm 2024 (khởi công mới năm 2022) gồm 16 công trình với số vốn cần bố trí 78.736 triệu đồng; ngoài ra 02 công trình kết thúc dự án năm 2025 (khởi công mới năm 2023) đề nghị bố trí vốn 9.264 triệu đồng	Chi tiết phân bổ cho từng dự án, tiểu dự án sẽ có Nghị quyết riêng của HĐND tỉnh.	
16	UBND huyện Quảng Hòa (CV số 1662/UBND-TCKH ngày 01/11/2023)	1. Đối với vốn cân đối ngân sách địa phương (huyện bố trí): Kính đề nghị Sở kế hoạch và đầu tư xem xét bố trí tăng vốn cho huyện. Tổng vốn giai đoạn 2021-2025 huyện được giao 76.031 triệu đồng. Lũy kế vốn đã được bố trí đến hết kế hoạch năm 2023 là 46.617,470 triệu đồng. Số vốn còn lại cho giai đoạn 2024-2025 là 29.413,530 triệu đồng. Đề xuất vốn năm 2024 là 15.000 triệu đồng. 2. Đối với nguồn thu sử dụng đất và tăng thu từ đất: Kính đề nghị Sở xem xét bố trí vốn để thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng phân lô dân cư (khu D Phục Hòa cũ), huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 và được giao vốn chuẩn bị đầu tư trong năm 2022. Đến thời điểm báo cáo, dự án đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên, trong năm 2023 vẫn chưa được bố trí vốn thực hiện dự án	Số vốn còn lại dự kiến bố trí trong KH Đầu tư công 2025. Dự án thực hiện theo cơ chế ứng vốn từ Quỹ phát triển đất và hoàn trả theo quy định.	
17	UBND huyện Hòa An (CV số 1809/UBND-TCKH ngày 02/11/2023)	Đề xuất với UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh bổ sung thêm vốn cho hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn cho huyện theo kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (do trong năm 2023 tỉnh cũng chưa bố trí, sắp xếp được nguồn vốn cho nội dung này, trong khi nhu cầu cần hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn cũng tương đối lớn và rất cần thiết)	Chi tiết phân bổ cho từng dự án, tiểu dự án sẽ có Nghị quyết riêng của HĐND tỉnh.	

18	UBND huyện Hà Quảng (CV số 3539/UBND-TCKH ngày 01/11/2023)	Tại Biểu số 02 , vốn ngân sách địa phương, B4 . Xây dựng nông thôn mới nội dung vốn hỗ trợ xi măng cho huyện Hà Quảng: 2.000 triệu đồng trong kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng. - Lý do: Hiện nay các xã, thị trấn đang có nhu cầu nguồn vốn để thực hiện cải tạo, nâng cấp đường làng, ngõ xóm trên địa bàn huyện	Hiện tại, nhiệm vụ bố trí vốn hỗ trợ xi măng cho huyện Hà Quảng đã bố trí bằng số vốn trung hạn.	
19	UBND huyện Hạ Lang	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
20	Liên minh Hợp tác xã	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
21	UBND huyện Nguyên Bình	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
23	Sở Giao thông vận tải	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
24	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
25	Sở Ngoại vụ	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
26	Sở Thông tin và Truyền thông	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
27	Sở Xây dựng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
28	Sở Y tế	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		
29	Cục Thuế tỉnh Cao Bằng	Nhất trí với dự thảo Nghị quyết		

Trên cơ sở ý kiến góp ý của của đơn vị và ý kiến tiếp thu, giải trình như trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Cao Bằng theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, THQH.H.

GIÁM ĐỐC**LƯU CÔNG HỮU**